

PART 3: CÂU HỎI VỀ HÀM Ý CÂU NÓI



1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Câu hỏi về hàm ý câu nói là dạng câu hỏi khó, yêu cầu thí sinh hiểu nghĩa câu nói và **ngữ cảnh** để suy luận ra **mục đích** khi nhân vật nói câu nói đó.
- Dạng câu hỏi này có thể nằm ở cả 3 vị trí câu hỏi trong bài

- Câu hỏi về hàm ý câu nói thường bắt đầu với:
 - Why does the woman say ...?
 - What does the man mean when he says...?
 - What does the woman imply when she says...?

2. PHÂN TÍCH VÍ DỤ

- Đọc câu hỏi:

- Câu hỏi thứ 3 => Thông tin sẽ nằm ở cuối cuộc hội thoại.
- Câu "it normally takes a few days" của the man sẽ để đáp lại một câu trước đó của the woman
=> sẽ dựa vào lời nói của the woman để tìm thông tin.

Q: Why does the man say, "it normally takes a few days"?

Tại sao người đàn ông nói, "chuyện đó thường mất vài ngày"?

(A) To reject a request.

Để từ chối một yêu cầu.

(B) To address a concern.

Để giải quyết một thắc mắc.

(C) To complain about a delay.

Để phàn nàn về sự trì hoãn.

(D) To acknowledge an accomplishment.

Để công nhận một thành tựu.

- Nghe băng



Q: Why does the man say, "it normally takes a few days"?

Tại sao người đàn ông nói, "chuyện đó thường mất vài ngày"?

- (A) To reject a request.**
Để từ chối một yêu cầu.
- (B) To address a concern.**
Để giải quyết một thắc mắc.
- (C) To complain about a delay.**
Để phàn nàn về sự trì hoãn.
- (D) To acknowledge an accomplishment.**
Để công nhận một thành tựu.

Đoạn băng chứa thông tin:

Woman: Um, I thought I'd get copies of my employee paperwork, but I haven't received anything yet. Is there something I should do?

Man: Oh, **it normally takes a few days**.

Q: Why does the man say, "it normally takes a few days"?

Tại sao người đàn ông nói, "chuyện đó thường mất vài ngày"?

(A) To reject a request.

Để từ chối một yêu cầu.

(B) To address a concern.

Để giải quyết một thắc mắc.

(C) To complain about a delay.

Để phàn nàn về sự trì hoãn.

(D) To acknowledge an accomplishment.

Để công nhận một thành tựu.

Đoạn băng chứa thông tin:

Woman: Um, I thought I'd get copies of my employee paperwork, but I haven't received anything yet. Is there something I should do?

=> Câu hỏi thể hiện sự thắc mắc (concern)

Man: Oh, it normally takes a few days.

=> Giải đáp thắc mắc

Dịch:

Woman: Um, Tôi nghĩ là tôi sẽ nhận được bản sao giấy tờ lao động, nhưng tôi chưa nhận được gì cả. Có điều gì mà tôi nên làm không?

Man: Oh, việc này thường mất vài ngày đấy.

Q: Why does the man say, "it normally takes a few days"?

Tại sao người đàn ông nói, "chuyện đó thường mất vài ngày"?

(A) To reject a request.

Để từ chối một yêu cầu.

(B) To address a concern.

Để giải quyết một thắc mắc.

(C) To complain about a delay.

Để phàn nàn về sự trì hoãn.

(D) To acknowledge an accomplishment.

Để công nhận một thành tựu.

Đoạn băng chứa thông tin:

Woman: Um, I thought I'd get copies of my employee paperwork, but I haven't received anything yet. Is there something I should do?

=> Câu hỏi thể hiện sự thắc mắc (concern)

Man: Oh, it normally takes a few days.

=> Giải đáp thắc mắc

Dịch:

Woman: Um, Tôi nghĩ là tôi sẽ nhận được bản sao giấy tờ lao động, nhưng tôi chưa nhận được gì cả. Có điều gì mà tôi nên làm không?

Man: Oh, việc này thường mất vài ngày đấy.

Q: Why does the man say, "it normally takes a few days"?

Tại sao người đàn ông nói, "chuyện đó thường mất vài ngày"?

(A) To reject a request.

Để từ chối một yêu cầu.

(B) To address a concern.

Để giải quyết một thắc mắc.

(C) To complain about a delay.

Để phàn nàn về sự trì hoãn.

(D) To acknowledge an accomplishment.

Để công nhận một thành tựu.

Lưu ý: Các câu nói ở dạng bài này không khó để hiểu nghĩa trên mặt chữ nhưng đặt ở ngũ cảnh khác nhau nó sẽ mang những hàm ý khác.

=> Các bạn mới bắt đầu có thể luyện tập với transcript, dịch nghĩa tiếng Việt để tìm đáp án đúng, sau đó nghe lại bằng để hình dung về mạch nói cũng như vị trí của thông tin để luyện phản xạ bắt thông tin.